

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 79-NQ/TW

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phát triển kinh tế nhà nước

TỈNH ỦY TUYÊN QUANG

VĂN BẢN ĐẾN QUA MẠNG

Số: 461, ngày 06/01/26.

Chuyên.....

Lưu hồ sơ:.....

Kinh tế nhà nước là thành phần đặc biệt quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền tảng của kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực do Nhà nước nắm giữ, quản lý và chi phối hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định vĩ mô và bảo đảm an ninh, quốc phòng, như: Đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, các công trình kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư xây dựng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng nhà nước, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống, đơn vị sự nghiệp công lập...

Sau 80 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, kinh tế nhà nước luôn giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt chức năng định hướng, dẫn dắt, điều tiết các hoạt động kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Chính sách pháp luật về kinh tế nhà nước chậm đổi mới, chưa theo kịp thực tiễn phát triển của nền kinh tế. Quản lý, khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực, tài sản của Nhà nước chưa thực sự hiệu quả, chưa gắn với yêu cầu hạch toán kinh tế đầy đủ, còn lãng phí, thất thoát, chưa thể hiện rõ vai trò chủ đạo, chi phối trong nền kinh tế quốc dân. Các doanh nghiệp nhà nước - lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, hoạt động chưa hiệu quả, chưa tương xứng với vị trí, nguồn lực đang nắm giữ; năng lực cạnh tranh quốc tế còn hạn chế; chưa đóng vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo và dẫn dắt một số ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu. Hệ thống tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập chưa tinh gọn, cơ chế hoạt động và tự chủ tài chính chậm đổi mới; lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ còn chậm, chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu. Một số tồn tại, vướng mắc kéo dài, chưa được xử lý kịp thời, gây lãng phí, thất thoát.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên, nhưng chủ yếu là do còn hạn chế về tư duy, nhận thức đối với vị trí, vai trò, phạm vi của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng; chưa giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội; thể chế pháp luật chưa đồng bộ, còn vướng mắc, bất cập; tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn chưa nghiêm; công tác phối hợp trong quản lý, sử dụng và hành động giữa các cơ quan chưa thực sự hiệu quả; trình độ đội ngũ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; ý thức trách nhiệm, đặc biệt là đối với người đứng đầu, trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chưa cao, thậm chí có tình làm sai để tham nhũng; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý.

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò của kinh tế nhà nước, góp phần hiện thực hoá mục tiêu đưa đất nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045 nhân kỷ niệm 100 năm thành lập Nước, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả một số chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước.

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh; góp phần phát huy giá trị văn hoá và tiến bộ công bằng, an sinh xã hội; là nguồn lực quan trọng để Nhà nước chi phối, can thiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phát sinh.

2. Kinh tế nhà nước bình đẳng trước pháp luật với các khu vực kinh tế khác, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; tiếp cận công bằng, công khai, minh bạch các nguồn lực, thị trường và cơ hội phát triển; cùng với các thành phần kinh tế trong nước, xây dựng nền kinh tế tự chủ, tự lực, tự cường, bảo đảm an ninh kinh tế, thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

3. Các nguồn lực kinh tế nhà nước phải được rà soát, thống kê, đánh giá, hạch toán đầy đủ theo nguyên tắc thị trường, gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Khơi thông các điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí.

Đánh giá tác động và phân tích lợi ích - chi phí xã hội của đầu tư nguồn lực vật chất của Nhà nước theo thông lệ quốc tế. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội. Tách bạch việc sử dụng nguồn lực nhà nước trong cung cấp hàng hoá, dịch vụ công, thực hiện nhiệm vụ chính trị với các hoạt động kinh doanh.

4. Kinh tế nhà nước phải tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế. Chú trọng xây dựng và phát triển các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại nhà nước lớn, giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt, tạo động lực thúc đẩy các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược, có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu hoặc các ngành, lĩnh vực thiết yếu. Phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong mối quan hệ liên kết, hợp tác nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ.

5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế nhà nước, nhất là trong định hướng sử dụng nguồn lực và tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát; tăng cường công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đề cao trách nhiệm giải trình; chú trọng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, hoạt động và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước trong những ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu, chiến lược; dẫn dắt, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống người dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Về đất đai, tài nguyên:* Quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Về tài sản kết cấu hạ tầng:* Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; tập trung hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, kết nối liên vùng, liên tỉnh, khu vực và thế giới.

- *Về ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:* Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 18% GDP; bội chi ngân sách khoảng 5% GDP; nợ công không quá 60% GDP; tỉ trọng chi đầu tư phát triển khoảng 35 - 40% tổng chi ngân sách, tỉ trọng chi thường xuyên khoảng 50 - 55% tổng chi ngân sách. Phấn đấu mức dự trữ quốc gia đạt tối thiểu 1% GDP vào năm 2030. Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- *Về doanh nghiệp nhà nước:* Phấn đấu có 50 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á và từ 1 - 3 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; xây dựng một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu vào một số chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế; 100% doanh nghiệp nhà nước thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số; 100% tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước áp dụng nguyên tắc quản trị của OECD.

- *Về tổ chức tín dụng nhà nước:* Phấn đấu có ít nhất 3 ngân hàng thương mại nhà nước thuộc nhóm 100 ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á về tổng tài sản; phát triển 4 ngân hàng thương mại nhà nước đi đầu, tiên phong về công nghệ, năng lực quản trị, chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, khả năng điều tiết thị trường trong toàn hệ thống ngân hàng.

- *Về đơn vị sự nghiệp công lập:* Tiếp tục xã hội hoá mạnh mẽ cung cấp các dịch vụ công; tiếp tục tinh gọn đầu mối, phấn đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc bảo đảm tự chủ chiến lược, tự cường và sức cạnh tranh toàn diện của nền kinh tế; quản trị hiện đại, minh bạch, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao và hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu, cung ứng dịch vụ công chất lượng cao, khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội; cùng với các khu vực kinh tế khác hiện thực hoá mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Phấn đấu đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP; khoảng 60 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á; 5 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; tối thiểu 50% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên hoạt động hiệu quả theo cơ chế thị trường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Bộ Chính trị yêu cầu tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đã xác định tại các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nguồn lực đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài sản kết cấu hạ tầng, ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập... đồng thời, tập trung triển khai mạnh mẽ, thực chất các nhiệm vụ, giải pháp dưới đây:

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh.

- Tạo lập môi trường thuận lợi, công bằng, minh bạch cho các khu vực kinh tế trong khai thác và sử dụng nguồn lực quốc gia, khuyến khích hợp tác công tư trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán kinh tế - xã hội,

quốc phòng - an ninh, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất của Nhà nước gắn với trách nhiệm giải trình; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia trong các cơ quan, tổ chức kinh tế nhà nước, bảo đảm thu nhập tương xứng, phù hợp với thị trường lao động. Có chính sách hiệu quả nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi. Thiết lập quy trình xem xét độc lập, toàn diện và minh bạch để đánh giá bản chất vụ việc là sai sót khách quan hay vi phạm pháp luật nhằm xử lý đúng người, đúng tội.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia; trong đó, dữ liệu về chủ thể và các nguồn lực của kinh tế nhà nước được chuẩn hoá, quản lý thống nhất, cập nhật thường xuyên, bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ, an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; khai thác, sử dụng dữ liệu để kịp thời giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực nhà nước, làm căn cứ cho hoạch định chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực.

- Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trên nền tảng số, bảo đảm thống nhất với lộ trình kế hoạch chuyển đổi số tại các bộ, cơ quan, địa phương và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để gây khó khăn cho các tổ chức, đơn vị; các vụ việc gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa từ sớm, từ xa; thu hồi tối đa cho Nhà nước những tài sản, kinh phí bị sử dụng sai mục đích hoặc bị chiếm đoạt, không để gây ra hệ lụy ảnh hưởng đến nền kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân. Có các giải pháp cụ thể đẩy nhanh việc xử lý các dự án, công trình tồn đọng kéo dài nhằm khơi thông và phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về đất đai và tài nguyên; phân cấp, phân quyền hợp lý trong quản lý, khai thác và sử dụng.

Xây dựng thể chế để huy động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai, biển, đảo, đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn biển.

Khẳng định đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt, thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Phần đầu đến hết năm 2026 hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hoá, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác; rà soát chính xác các loại đất để có phương án điều chỉnh quy hoạch phù hợp trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia kết hợp nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp và dịch vụ, đô thị, thúc đẩy việc quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế và có tầm nhìn dài hạn. Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý đất đai, trước mắt trong năm 2026 hoàn thành việc xây dựng và ban hành Luật Đất đai sửa đổi và các văn bản hướng dẫn nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đất đai, khơi thông nguồn lực từ đất đai. Có cơ chế, chính sách bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận đất đai; ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội; làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và cương quyết thu hồi đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích, lãng phí.

- Hiện đại hoá quản trị nhằm điều hoà, phân phối, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả, công bằng, hợp lý giữa các đối tượng sử dụng, ngành kinh tế, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và an ninh năng lượng. Áp dụng công cụ kinh tế, tài chính để tạo cơ chế hạch toán và chia sẻ lợi ích trong quản lý, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, công bằng, bền vững, nâng cao giá trị của tài nguyên nước.

- Điều tra, thăm dò, thống kê đầy đủ các nguồn tài nguyên, khoáng sản để thống nhất quản lý, sử dụng có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy việc tiếp cận, tiến tới làm chủ công nghệ khai thác, chế biến sâu các loại khoáng sản, nhất là những loại khoáng sản chiến lược cho các ngành công nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài nhằm thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản trong nước chưa có hoặc trữ lượng hạn chế.

- Có cơ chế quản lý tập trung, liên ngành, bảo đảm khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên biển, đảo. Tăng cường điều tra cơ bản, xây dựng hệ thống dữ liệu các loại tài nguyên khu vực biển, đảo, có kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế kết hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền đất nước. Phát triển nhanh và bền vững các loại năng lượng sạch,

xanh từ biển; ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi. Nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển; có cơ chế thúc đẩy việc nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản vùng biển xa với công nghệ hiện đại, bền vững, phù hợp luật pháp quốc tế. Xây dựng và phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng lưỡng dụng quân - dân sự tại các đảo, vị trí trọng yếu. Ưu tiên xây dựng các công trình hạ tầng biển, đảo trọng yếu khác nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh. Kinh tế biển phải trở thành một cấu phần quan trọng trong kinh tế nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, khai thác và bảo vệ vùng trời, khu nhận diện phòng không; hiện đại hoá hệ thống quản lý bay, bảo đảm an toàn, an ninh không phận. Ban hành cơ chế vượt trội, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, triển khai các khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) để thúc đẩy phát triển kinh tế không gian vũ trụ và kinh tế tầm thấp, ngành công nghiệp hàng không, vũ trụ.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm. Đẩy mạnh công tác quy hoạch tích hợp không gian ngầm với quy hoạch đô thị và hạ tầng; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ số hoá không gian ngầm thống nhất, hiện đại. Khuyến khích các hình thức huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư trong đầu tư, khai thác công trình ngầm; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến.

- Hoàn thiện đồng bộ khung pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên số và tài nguyên viễn thông để phát triển thị trường dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu và kinh tế dữ liệu. Thúc đẩy hợp tác công tư trong phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số tiên tiến. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh đối với hoạt động phát triển kinh tế số. Chủ động đấu tranh phòng, chống hoạt động lợi dụng công nghệ số, giao dịch điện tử... để xâm phạm lợi ích của Nhân dân, an ninh kinh tế và an ninh quốc gia. Thực thi hiệu quả các chính sách để đưa tài nguyên số và dữ liệu quốc gia trở thành nguồn lực chiến lược.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn dài hạn, đồng bộ, hiện đại, vượt trước, đón đầu xu thế phát triển và dịch chuyển của các ngành kinh tế trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và thích ứng biến đổi khí hậu, gia tăng khả năng chống chịu các hình thái thời tiết cực đoan. Bảo

đảm quy hoạch đồng bộ, liên kết, đa ngành, đa mục tiêu nhằm khai thác hiệu quả và tận dụng tối đa chức năng của các loại hình kết cấu hạ tầng. Khuyến khích mở rộng việc áp dụng các hình thức đầu tư theo phương thức công - tư như "đầu tư công - quản trị tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công tư khác để xây dựng và quản lý, vận hành hiệu quả nhất các công trình kết cấu hạ tầng.

- Khẩn trương bổ sung khung pháp lý về quản lý, khai thác, sử dụng đối với các loại tài sản kết cấu hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch, hạ tầng các khu công nghiệp, công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu trung tâm tài chính quốc tế,... do Nhà nước đầu tư để huy động nguồn lực ngoài ngân sách cùng tham gia trên cơ sở bảo đảm tính hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí.

2.3. Đối với ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia và quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

a) Ngân sách nhà nước

- Đổi mới quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, đặt trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế và gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực ngân sách.

- Chủ động nghiên cứu và xây dựng lộ trình phù hợp để triển khai các loại thuế mới liên quan đến tài sản, mức phát thải carbon, ... bảo đảm bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, tăng tính bền vững cơ cấu nguồn thu, nâng cao tính công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thu; hiện đại hoá quy trình, công tác quản lý thu, giảm tối đa chi phí tuân thủ; có chính sách tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu, khơi thông nguồn lực cho phát triển.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trên cơ sở củng cố vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tăng tính chủ động và tự chủ cho ngân sách địa phương; phân cấp các nhiệm vụ chi ngân sách gắn trực tiếp quyền lợi và trách nhiệm của từng cấp, bảo đảm nguyên tắc cấp nào thực hiện hiệu quả, kịp thời nhất thì giao cho ngân sách cấp đó thực hiện.

- Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, tránh dàn trải, manh mún. Ngân sách trung ương tập trung đầu tư các công trình hạ tầng chiến lược, kết nối

liên vùng, khu vực và quốc tế, các dự án có tính chất đột phá về phát triển kinh tế - xã hội. Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật quản lý đầu tư công nhằm nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn đầu tư công.

- Hạn chế tối đa việc quy định cụ thể tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực, đối tượng (trừ những ngành, lĩnh vực có quy định riêng theo các nghị quyết của Đảng) nhằm bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả trong phân bổ, bố trí nguồn ngân sách nhà nước, phù hợp với các ưu tiên chính sách trong từng năm, từng giai đoạn cụ thể.

- Đa dạng hoá các kênh huy động vốn cho ngân sách. Bảo đảm nguyên tắc, cân đối ngân sách chỉ vay cho chi đầu tư phát triển và trong phạm vi khả năng trả nợ. Phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về nợ công có tính kết nối giữa Trung ương và địa phương, phục vụ công tác điều hành tài khoá chủ động, hiệu quả. Tăng cường công khai, minh bạch thông tin về nợ công; xây dựng kế hoạch vay, trả nợ công trung hạn, gắn với kiểm soát rủi ro và năng lực trả nợ; bố trí nguồn trả nợ hằng năm đầy đủ, đúng hạn.

b) Dự trữ quốc gia

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế dự trữ quốc gia bảo đảm đồng bộ; tích hợp định hướng yêu cầu duy trì nguồn lực dự trữ quốc gia trong các chiến lược về quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Rà soát danh mục hàng hoá, củng cố hệ thống kho tàng, tăng cường đầu tư, cải cách quy trình, thủ tục xuất cấp để dự trữ quốc gia thực sự trở thành nguồn lực dự trữ chiến lược, cho phép Nhà nước có đủ năng lực can thiệp, điều tiết, cứu trợ, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh, thảm hoạ, nhanh chóng ổn định đời sống người dân, đáp ứng yêu cầu cấp bách quốc phòng, góp phần thực hiện an sinh xã hội, duy trì ổn định thị trường, trật tự, an toàn xã hội, tham gia triển khai các hoạt động cứu trợ nước ngoài, đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển hệ thống kho tàng, hạ tầng bảo quản, ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia thông minh.

Nghiên cứu cơ chế đầu tư kho, bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo phương thức hợp tác công tư.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù trong mua, bán, nhập, xuất, chuyển đổi mục đích, luân chuyển hàng dự trữ quốc gia để chủ động, linh hoạt, kịp thời, bảo đảm yêu cầu trong mọi tình huống. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia một số hoạt động dự trữ quốc gia theo nguyên tắc thị trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực dự trữ quốc gia của các quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; nghiên cứu cơ chế chia sẻ nguồn lực cần thiết, nhất là qua cơ chế dự trữ khu vực ASEAN, ASEAN+3,... để tăng tính kịp thời, chủ động, hiệu quả trong xử lý các tình huống khẩn cấp.

c) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Tiếp tục hoàn thiện khung thể chế, tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Rà soát, sáp nhập, giải thể các quỹ ngoài ngân sách trùng lặp, kém hiệu quả, không phù hợp với yêu cầu phát triển; giảm đầu mối để tăng quy mô, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các quỹ; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng các quỹ; đẩy mạnh số hoá, công khai thông tin và kết quả hoạt động. Tăng cường cơ chế uỷ thác quản lý tài chính quỹ cho các tổ chức ngân hàng, công ty tài chính chuyên nghiệp; các cơ quan nhà nước chỉ tập trung xây dựng tiêu chí, điều kiện huy động và giải ngân vốn từ quỹ. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội hoá và giảm phụ thuộc vào ngân sách.

- Không hình thành mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ các trường hợp cấp bách, cấp thiết theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

d) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

Chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề để quản lý, đầu tư phát triển, thực hiện trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp (tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn), bảo đảm hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước thực sự là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

- Tập trung đầu tư, phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế như: Quốc phòng, an ninh; năng lượng; vận tải, logistics; tài chính - ngân hàng; khoa học - công nghệ, điện tử - viễn thông, hạ tầng số; khai thác, chế biến khoáng sản chiến lược; hoá chất; xây dựng, vật liệu xây dựng; nông, lâm nghiệp; ...

Có chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn thông qua tăng vốn điều lệ, bao gồm: Cho phép sử dụng toàn bộ nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tăng tỉ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp; rà soát, đánh giá lại tài sản đã hết khấu hao nhưng còn giá trị sử dụng. Khuyến khích hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao các doanh nghiệp nhằm phát huy lợi thế tổng thể của ngành kinh tế.

Đối với dự án trọng điểm quốc gia, dự án đầu tư ở nước ngoài do cấp có thẩm quyền giao ngoài kế hoạch của doanh nghiệp, Nhà nước có chính sách bảo đảm đủ vốn, hỗ trợ lãi suất và cung cấp đủ tín dụng.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp khác trong chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực kinh doanh chính hoặc các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm hình thành các doanh nghiệp, nhóm liên kết doanh nghiệp tiên phong, dẫn dắt, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát huy lợi thế, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực xã hội, tránh chồng chéo, cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm lợi ích hài hoà, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Doanh nghiệp nhà nước sử dụng các nguồn lực để chủ động dẫn dắt, kích hoạt và huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, tạo sức lan toả và hiệu ứng cộng hưởng trong phát triển kinh tế.

b) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững

- Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh và tiên phong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các tập đoàn, tổng công ty phải xây dựng, hình thành trung tâm nghiên

cứu - phát triển, phòng thí nghiệm để tiên phong thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, từng bước làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và tăng sức cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp; hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương và đồng hành với các chủ thể kinh tế khác triển khai chuyển đổi số. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí thải nhà kính, phát triển kinh tế tuần hoàn sử dụng nguyên liệu đầu vào là thành phần gây ảnh hưởng môi trường.

- Kết quả nghiên cứu, phát triển do doanh nghiệp nhà nước thực hiện thành công phải được ứng dụng vào thực tế trong các khâu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, đồng thời có cơ chế thương mại để chia sẻ, lan toả công nghệ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế khác cùng phát triển. Nhà nước có cơ chế đặt hàng đối với các sản phẩm công nghệ do các doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, chế tạo, có chất lượng tương đương hàng nhập khẩu, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận thị trường, nâng cao năng lực tiếp tục hoàn thiện, phát triển sản phẩm.

- Doanh nghiệp nhà nước được quyết định sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chủ động triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm. Có cơ chế cho phép các doanh nghiệp nhà nước tự hình thành hoặc liên kết với Nhà nước và các doanh nghiệp khác hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước tham gia mở rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tham gia vào các dự án đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ và thương vụ mua bán, sáp nhập gắn với hoạt động chuyển giao công nghệ.

c) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp

- Hoàn thiện quy định xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chức danh quản lý trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm trách nhiệm đi đôi với quyền hạn; cơ chế giám sát hoạt động, trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước, các chức danh quản lý tại doanh nghiệp gắn với việc nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện, tăng cường phân công, phân cấp.

- Thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích. Kiên quyết thay thế, miễn nhiệm những người thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực, làm trì trệ, kìm hãm sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tiền lương, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong việc thu hút nguồn lực chất lượng cao. Xây dựng cơ chế thưởng tại doanh nghiệp theo tỉ lệ đối với phần lợi nhuận vượt kế hoạch, gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Có cơ chế để doanh nghiệp cổ phần được chủ động hình thành quỹ cổ phiếu thưởng nhằm thu hút, giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng tới quyền kiểm soát của cổ đông nhà nước. Thí điểm cơ chế đặc thù về thuê, tuyển dụng, bổ nhiệm giám đốc/tổng giám đốc tại một số doanh nghiệp nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc đánh giá tổng thể trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được giao, phản ánh đầy đủ lợi thế, các nguồn lực Nhà nước giao thông qua các chỉ số hiệu quả tài chính, phi tài chính được lượng hoá, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hạch toán tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận.

- Khẩn trương rà soát, xử lý các dự án đầu tư yếu kém, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, xác định rõ và xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định, tạo điều kiện để doanh nghiệp phá sản hoặc tiếp tục tái cơ cấu, hoạt động lành mạnh trở lại, tránh để kéo dài gây lãng phí, thất thoát tài sản, nguồn vốn, giảm thiểu thiệt hại cho nhà nước, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu đổi mới hoàn thiện mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu, mô hình Hội đồng thành viên bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ.

d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước

- Tập trung cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước một cách thực chất, hiệu quả, giảm đầu môi, tăng quy mô nhằm thực hiện tốt hơn vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới; khuyến khích các tập đoàn, tổng công ty đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực doanh nghiệp có lợi thế so sánh, nhu cầu thị trường lớn, có khả năng tiếp cận công nghệ mới, góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu truyền thống và phát triển thị trường mới để hình thành các tập đoàn đa quốc gia. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế nhằm hỗ trợ doanh

ngành mở rộng thị trường ra nước ngoài, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, thúc đẩy hợp tác chuyên giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cổ phần hoá để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, thu hút thêm sự tham gia từ các khu vực kinh tế khác nhằm tăng cường năng lực quản trị, cải thiện công nghệ, nguồn lực tài chính để doanh nghiệp phát triển sau cổ phần hoá. Việc cổ phần hoá phải bảo đảm không ảnh hưởng đến kiểm soát của Nhà nước trong những lĩnh vực then chốt, chiến lược, không làm mất đi các thương hiệu quốc gia có uy tín và không làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì có cơ chế, lộ trình phù hợp nhằm: (i) Sáp nhập với các doanh nghiệp nhà nước khác để hình thành chuỗi giá trị, tăng quy mô, hiệu quả hoạt động. (ii) Chuyển giao cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước trung ương hoặc địa phương để rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại để có giải pháp cơ cấu lại vốn phù hợp. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải dựa trên các tiêu chí công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật theo nguyên tắc Nhà nước làm những gì mà tư nhân không làm hoặc không có khả năng làm, những gì tư nhân làm được thì Nhà nước phải làm tốt hơn; các thương hiệu quốc gia có uy tín phải tiếp tục được đầu tư để hoạt động hiệu quả hơn.

- Tái cơ cấu toàn diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) theo hướng kinh doanh vốn chuyên nghiệp, tiến tới hình thành Quỹ đầu tư quốc gia. Tập trung nguồn lực từ cơ cấu lại vốn tại các doanh nghiệp và các nguồn lực nhà nước giao khác để: (i) Đầu tư phát triển các doanh nghiệp quy mô lớn, các doanh nghiệp có hiệu quả cao. (ii) Đầu tư vào dự án trong các ngành, lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, có tính chất quan trọng đối với nền kinh tế. (iii) Triển khai đầu tư trực tiếp và hỗ trợ các nguồn lực để doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài; thực hiện mua bán, sáp nhập để tiếp cận các công nghệ mới, công nghệ lõi, công nghệ và công nghiệp chiến lược hoặc vì mục tiêu lợi nhuận cao. Có cơ chế giám sát độc lập đối với quá trình chuyển giao và quản lý vốn của SCIC tại các doanh nghiệp, bảo đảm việc cơ cấu lại doanh nghiệp, đầu tư vốn được thực hiện một cách hiệu quả, đúng giá thị trường và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Công ty Mua bán nợ Việt Nam

(DATC) để hỗ trợ quá trình tái cơ cấu, đặc biệt là tái cơ cấu về tài chính, xử lý nợ xấu của khu vực doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại theo cơ chế thị trường.

2.5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước

- Áp dụng chuẩn mực quản trị hiện đại, nâng cao năng lực quản lý rủi ro; bảo đảm minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số toàn diện cho tổ chức tín dụng nhà nước; số hoá dịch vụ, dữ liệu, quản lý vốn theo thời gian thực; phát triển các dịch vụ ngân hàng số, mở rộng cung cấp sản phẩm tài chính trực tuyến đến mọi vùng miền của cả nước.

- Tổ chức, sắp xếp mạng lưới ngân hàng thương mại nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tiếp tục tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước để nâng cao năng lực tài chính, tỉ lệ an toàn vốn và hiệu quả hoạt động.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển Ngân hàng chính sách xã hội; cơ cấu lại toàn diện Ngân hàng phát triển Việt Nam nhằm đa dạng hoá nguồn lực, tăng vốn, tinh gọn, hiệu quả, phát huy sức mạnh Nhà nước trong đầu tư và an sinh xã hội, gắn nhiệm vụ chính sách với phát triển kinh tế - xã hội; tập trung vào các ngành, lĩnh vực, hạ tầng quan trọng, địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Rà soát, sắp xếp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; sắp xếp, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bảo đảm kinh phí cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; kiên quyết không để việc thiếu nguồn lực (con người, tài chính, ...) dẫn tới giảm chất lượng phục vụ người dân; chuyển các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hoá cao sang thực hiện theo cơ chế thị trường.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tiếp tục chuyển mạnh từ cấp trực tiếp kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, gắn với cơ chế kiểm soát; đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí với lộ trình phù hợp khả năng chi trả người dân và cân đối ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh.

- Khuyến khích tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Mở rộng, nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác công tư trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công có khả năng cạnh tranh; chú trọng cơ chế hợp tác về nhân lực, thương hiệu và công nghệ trên cơ sở bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng cơ chế, chính sách chuyên đổi đơn vị sự nghiệp công lập trong những ngành, lĩnh vực phù hợp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tối thiểu chi thường xuyên trở lên được tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương và các khoản thù lao, đãi ngộ khác, tuyển dụng và sử dụng nhân sự theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tập trung đầu tư phát triển đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập quan trọng có tiềm lực, có khả năng cạnh tranh trong một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, ngành công nghệ chiến lược.

- Có cơ chế nâng cao hiệu quả hoạt động và minh bạch của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nghiên cứu thực hiện mô hình quản trị và điều hành đơn vị sự nghiệp công lập theo tiêu chuẩn, chuẩn mực tiên tiến, hiện đại, minh bạch gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Thí điểm thành lập bộ phận có chức năng tư vấn chuyên sâu trong các đơn vị có quy mô lớn và thực hiện việc thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Không tổ chức Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập; củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng trong đơn vị theo quy định.

- Đẩy mạnh kiểm định, đánh giá độc lập và công khai kết quả chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo tiêu chuẩn, tiêu chí do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành. Hoàn thiện tiêu chí xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Ứng dụng công nghệ số để người dân trực tiếp đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ hài lòng đối với các dịch vụ sự nghiệp công.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, ưu tiên các dự án luật trực tiếp phục vụ triển khai thực hiện Nghị quyết; tăng cường giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội đối với việc thực hiện theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước.

2. Đảng uỷ Chính phủ: Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động; phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội kịp thời thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện; chủ trì chuẩn bị tài liệu quán triệt cùng với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương tổ chức quán triệt Nghị quyết.

3. Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch hành động với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện.

4. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ, các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức quán triệt và tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết đến chi bộ.

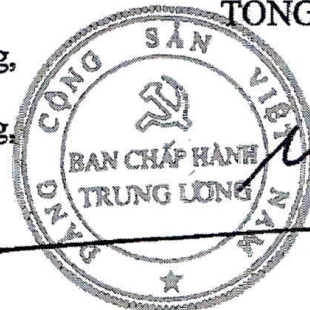
6. Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức ở Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên
Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ**



Tô Lâm

TỈNH ỦY TUYỀN QUANG

*

Số 26-BS/TU

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Đồng chí Chánh, Phó Chánh VPTU,
- Chuyên viên VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
(in 215^b)

SAO Y

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Hà Việt Hưng